

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Shell Turbo Oil T 68

Mã sản phẩm : 001A9784

#### Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Nhà cung cấp : Công ty Shell Việt Nam TNHH  
Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái  
Tỉnh Đồng Nai 810000  
Vietnam

Điện thoại : (+84) 2838240300

Telefax : (+84) 2838220261

Số điện thoại liên hệ trong  
trường hợp khẩn cấp : +84 18001140 (TRONG GIỜ LÀM VIỆC)  
+800-2537-8747 (24h)

Địa chỉ email liên lạc cho  
SDS : Nếu bạn có bất cứ thắc mắc nào về nội dung của SDS này  
xin vui lòng gửi thư điện tử về [lubricantSDS@shell.com](mailto:lubricantSDS@shell.com)

#### Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Dầu tua bin.

### 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### Phân loại theo GHS

Dựa trên dữ liệu hiện có, chất / hỗn hợp này không đáp ứng tiêu chí phân loại.

#### Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không Yêu Cầu Ký Hiệu Nguy Hiểm

Từ cảnh báo : Không có cảnh báo bằng chữ viết

Cảnh báo nguy hiểm : TÁC HẠI VẬT LÝ:  
Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.  
TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:  
Không thuộc loại nguy hại đối với sức khỏe theo tiêu chuẩn  
của GHS.  
TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:  
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu  
chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa :

**Biện pháp phòng ngừa:**  
Không có khuyến cáo.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

### Biện pháp ứng phó:

Không có khuyến cáo.

### Lưu trữ:

Không có khuyến cáo.

### Việc thải bỏ:

Không có khuyến cáo.

### Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sừng tắc. Dầu mỡ đã qua sử dụng có chứa các thành phần gây hại. Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.

## 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Dầu khoáng tinh chế và các chất phụ gia.  
Theo tiêu chuẩn IP346 thì dầu khoáng tinh chế chứa ít hơn < 3% chiết xuất DMSO.  
Phân loại theo hàm lượng chiết DMSO < 3% (Quy định số 1272/2008 (EC), Phụ lục VI, Phần 3, Chú thích L).  
: \* có nhiều số CAS sau đây: 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-65-0, 68037-01-4, 72623-86-0, 72623-87-1, 8042-47-5, 848301-69-9, 68649-12-7, 151006-60-9, 163149-28-8, 64741-88-4, 64741-89-5.

### Thành phần nguy hiểm

| Tên hóa học                                                                 | Số CAS              | Phân loại                                                                                                       | Nồng độ (% w/w) |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Dầu gốc có độ nhớt có thể thay đổi được (<20,5 mm <sup>2</sup> /s @ 40°C) * | Không được chỉ định | Asp. Tox.1; H304                                                                                                | 0 - 99.5        |
| N-phenyl-1-naphtylamin                                                      | 90-30-2             | Acute Tox.4; H302<br>Skin Sens.1B; H317<br>STOT RE2; H373<br>Aquatic Acute1; H400<br>Aquatic Chronic1; H410     | 0.1 - 0.24      |
| Axit (4-nonylphenoxy) acetic                                                | 3115-49-9           | Acute Tox.4; H302<br>Skin Corr.1B; H314<br>Skin Sens.1A; H317<br>Aquatic Acute1; H400<br>Aquatic Chronic1; H410 | 0 - 0.09        |

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

|                                                                    |                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp                      | : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường.<br>Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần phải xin chỉ dẫn y tế.                                                           |
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da                                | : Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.<br>Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.                                                   |
| Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt                            | : Rửa mắt với nhiều nước.<br>Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa.<br>Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.                                                                            |
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa                             | : Nói chung không cần có sự điều trị trừ khi nuốt phải một lượng lớn, tuy nhiên, vẫn nên xin chỉ dẫn y tế.                                                                                                             |
| Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này | : Các dấu hiệu và triệu chứng acne hay viêm nang lông do dầu, cũng có thể bao gồm sự hình thành các vết hoặc các mụn đen trên vùng da bị tiếp xúc.<br>Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy. |
| Bảo vệ người sơ cứu                                                | : Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh.                                                                      |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị                                      | : Xử lý theo triệu chứng.                                                                                                                                                                                              |

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

|                                           |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các phương tiện chữa cháy thích hợp       | : Bột, nước phun hay sương mù. Bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất chỉ có thể được dùng trong trường hợp hỏa hoạn nhỏ.                                                                                                                   |
| Các phương tiện chữa cháy không thích hợp | : Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.                                                                                                                                                                                               |
| Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy        | : Các sản phẩm cháy nguy hiểm bao gồm:<br>Phức hợp các hạt rắn trong không khí, các phân tử chất lỏng và khí (dạng khói).<br>Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn.<br>Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định. |
| Các phương pháp cứu hỏa cụ thể            | : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.                                                                                                                                                      |

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469).

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Các cảnh báo về môi trường : Sử dụng các chất có khả năng giữ để tránh làm ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay chảy vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất, hay các vật chắn thích hợp khác.

Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : rất trơn , khi đổ sản phẩm trên sàn. Để tránh tai nạn, cần dọn sạch ngay lập tức  
Ngăn không cho lan rộng ra bằng cách tạo một rào chắn bằng cát, đất hay các vật liệu có khả năng ngăn chặn khác.  
Trực tiếp thu hồi chất lỏng hay dùng vật liệu thấm.  
Thấm hết phần còn sót lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác và thải đúng cách.

Lời khuyên bổ sung khác : Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này  
Để xử lý , thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

### 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Cảnh báo Chung : Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu.  
Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc lâu dài hay liên tục với da.  
Tránh hít phải khí và/hay sương.  
Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bốc xếp, vận chuyển phù hợp.  
Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

- Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.
- Vận chuyển Sản phẩm : Cần sử dụng quy trình đấu nối và nối đất phù hợp trong tất cả các hoạt động vận chuyển số lượng lớn để tránh hiện tượng tĩnh điện.

### Lưu trữ

- Các dữ liệu khác : Giữ bồn chứa dầu được đóng chặt thật kín và ở nơi thoáng mát.  
Sử dụng những bao bì có thể làm kín và có nhãn đúng qui cách.

Tồn chứa ở nhiệt độ bình thường

- Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Đối với bồn chứa dầu và nắp, khuyến cáo sử dụng thép thấp cacbon hoặc polyethylen có tỉ trọng cao.  
Vật liệu không phù hợp: PVC

- Lời khuyên về Thùng chứa : Không nên đặt những bồn chứa làm bằng Polyethylen ở nơi nhiệt độ cao, do nguy cơ có thể bị biến dạng.

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

| Thành phần           | Số CAS              | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)  | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở    |
|----------------------|---------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|----------|
| Sương dầu khoáng dầu | Không được chỉ định | TWA (Hơi sương)                 | 5 mg/m <sup>3</sup>                       | VN OEL   |
| Sương dầu khoáng dầu | Không được chỉ định | STEL (Hơi sương)                | 10 mg/m <sup>3</sup>                      | VN OEL   |
| Sương dầu khoáng dầu | Không được chỉ định | TWA (Hơi sương)                 | 5 mg/m <sup>3</sup>                       | OSHA Z-1 |
| Sương dầu khoáng dầu | Không được chỉ định | TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi) | 5 mg/m <sup>3</sup>                       | ACGIH    |

### Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Không có giới hạn về sinh học.

### Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

<http://www.cdc.gov/niosh/>  
Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods  
<http://www.osha.gov/>  
Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances  
<http://www.hse.gov.uk/>  
Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany.  
<http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>  
L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

### Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:  
Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí.

Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

#### Thông tin chung:

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

#### Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

#### Bảo vệ hô hấp

: Không có yêu cầu về sự bảo vệ hô hấp trong những điều kiện sử dụng bình thường.  
Phải thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, để tránh hít phải vật liệu này.  
Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.  
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ  
lọc kết hợp phù hợp.  
Chọn bộ lọc phù hợp với hợp chất khí hữu cơ, hơi nước và  
hạt [Nhiệt độ sôi Loại A/L loại P > 65°C (149°F)].

### Bảo vệ tay Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Găng tay PVC, găng tay cao su neopren hay găng tay cao su nitril. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọn thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọn thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay.

### Bảo vệ mắt

: Sản phẩm trong quá trình sử dụng có thể văng bắn vào mắt nên việc sử dụng kính bảo vệ mắt được khuyến cáo.

### Bảo vệ da và cơ thể

: Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.  
Cần phải đeo găng tay chống nhiễm hóa chất.

### Các mối nguy do nhiệt

: Không áp dụng được

### Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

#### Lời khuyên chung

: Thực hiện các biện pháp thích hợp để đáp ứng mọi yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường có liên quan. Tránh làm ô nhiễm môi trường bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trong Chương 6. Nếu cần, ngăn không cho vật liệu chưa được hòa tan chảy vào nước thải. Nước thải phải được xử lý tại nhà máy xử lý nước thải đô thị hoặc công nghiệp trước khi thải vào nước bề mặt.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

|                                    |                                                                                                                  |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trạng thái                         | : Dạng lỏng ở nhiệt độ thường.                                                                                   |
| Màu sắc                            | : Không màu đến vàng nhạt                                                                                        |
| Mùi đặc trưng                      | : Không áp dụng.                                                                                                 |
| Ngưỡng mùi                         | : Không áp dụng.                                                                                                 |
| Độ pH                              | : Không áp dụng được                                                                                             |
| Điểm đông đặc                      | : $\leq -24\text{ }^{\circ}\text{C}$ / $-11\text{ }^{\circ}\text{F}$<br>Phương pháp: ASTM D97                    |
| Điểm nóng chảy/ đông đặc           | : Không áp dụng.                                                                                                 |
| Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu        | : $> 280\text{ }^{\circ}\text{C}$ / $536\text{ }^{\circ}\text{F}$ (Các) giá trị ước tính                         |
| Điểm cháy                          | : $\geq 240\text{ }^{\circ}\text{C}$ / $464\text{ }^{\circ}\text{F}$<br>Phương pháp: ASTM D92 (COC)              |
| Tỷ lệ hóa hơi                      | : Không áp dụng.                                                                                                 |
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)  | : Không áp dụng được                                                                                             |
| Tính dễ cháy (chất lỏng)           | : Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.                                                        |
| Giới hạn trên của cháy nổ          | : Khoảng 10 %(V)                                                                                                 |
| Giới hạn dưới của cháy nổ          | : Khoảng 1 %(V)                                                                                                  |
| Áp suất hóa hơi                    | : $< 0.5\text{ Pa}$ ( $20\text{ }^{\circ}\text{C}$ / $68\text{ }^{\circ}\text{F}$ )<br>(Các) giá trị ước tính    |
| Tỷ trọng hơi tương đối             | : $> 5$                                                                                                          |
| Tỷ trọng tương đối                 | : $0.871$ ( $15\text{ }^{\circ}\text{C}$ / $59\text{ }^{\circ}\text{F}$ )                                        |
| Khối lượng riêng                   | : $871\text{ kg/m}^3$ ( $15\text{ }^{\circ}\text{C}$ / $59\text{ }^{\circ}\text{F}$ )<br>Phương pháp: ASTM D4052 |
| Độ hòa tan                         |                                                                                                                  |
| Độ hòa tan trong nước              | : không đáng kể                                                                                                  |
| Độ hòa tan trong các dung môi khác | : Không áp dụng.                                                                                                 |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước     | : $\log Pow: > 6$<br>(dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)                                             |

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

|                      |                                                                        |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ tự bốc cháy | : > 320 °C / 608 °F                                                    |
| Nhiệt độ phân hủy    | : Không áp dụng.                                                       |
| Độ nhớt              |                                                                        |
| Độ nhớt, động lực    | : Không áp dụng.                                                       |
| Độ nhớt, động học    | : 68 mm <sup>2</sup> /s (40.0 °C / 104.0 °F)<br>Phương pháp: ASTM D445 |
|                      | 8.95 mm <sup>2</sup> /s (100 °C / 212 °F)<br>Phương pháp: ASTM D445    |
| Đặc tính cháy nổ     | : Mã phân loại: Không phân loại                                        |
| Đặc tính ôxy hóa     | : Không áp dụng.                                                       |
| Tính dẫn             | : Vật liệu này không tích điện.                                        |
| Kích thước hạt       | : Không áp dụng.                                                       |

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

|                                                             |                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng phản ứng                                           | : Sản phẩm không có bất kỳ mối nguy hiểm phản ứng nào khác ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây. |
| Tính ổn định                                                | : Ổn định.                                                                                                       |
| Phản ứng nguy hiểm                                          | : Phản ứng mạnh với các tác nhân oxy hóa mạnh.                                                                   |
| Các điều kiện cần tránh                                     | : Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.                                                                   |
| Vật liệu không tương thích                                  | : Các nguyên tố ôxy hóa mạnh.                                                                                    |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                       |

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

|                   |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cơ sở để Đánh giá | : Thông tin đã cho là dựa vào dữ liệu trên các thành phần và dữ liệu của ngành độc học về các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ. |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da và mắt là những cách chủ yếu của phơi nhiễm cho dù phơi nhiễm có thể xảy ra thông qua việc tình cờ nuốt phải.

### Độc cấp tính

#### Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 chuột: > 5,000 mg/kg  
Ghi chú: Có độc tính thấp  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính cấp qua da : LD50 Thỏ: > 5,000 mg/kg  
Ghi chú: Có độc tính thấp  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Ăn mòn/kích ứng da

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho da., Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sưng tấy., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho mắt., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Kích thích hô hấp hoặc da

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không phải là một chất gây nhạy cảm da.  
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

#### Thành phần:

##### **N-phenyl-1-naphtylamin:**

Ghi chú: Có thể gây dị ứng da đối với những người nhạy cảm.

##### **Axit (4-nonylphenoxy) acetic:**

Ghi chú: Có thể gây dị ứng da đối với những người nhạy cảm.

### Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

#### Sản phẩm:

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

: Ghi chú: Không gây đột biến., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Tác nhân gây ung thư

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Không phải là chất gây ung thư., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Ghi chú: Các sản phẩm có gốc dầu khoáng đã chứng tỏ không gây ung thư trên các nghiên cứu sơn trên da động vật., Dầu khoáng tinh chế cao không thuộc loại gây ung thư theo Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC).

| Vật liệu                   | GHS/CLP Tác nhân gây ung thư Phân loại |
|----------------------------|----------------------------------------|
| Dầu khoáng đã tinh lọc cao | Không phân loại có tính gây ung thư    |

### Độc tính sinh sản

#### Sản phẩm:

: Ghi chú: Không phải là một chất độc phát triển., Không làm giảm độ phì nhiêu., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### STOT - Tiếp xúc một lần

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### STOT - Tiếp xúc lặp lại

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

### Độc tính hô hấp

#### Sản phẩm:

Không gây nguy hiểm khi hít vào

### Thông tin khác

#### Sản phẩm:

Ghi chú: Dầu đã qua sử dụng có chứa những chất bẩn có hại tích lũy trong khi sử dụng. Nồng độ của những chất bẩn như thế tùy thuộc vào quá trình sử dụng và chúng có thể gây ra những

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

nguy hiểm cho sức khỏe và môi trường khi bị thải ra., Tất cả dầu xả nên được xử lý đúng cách, tránh và hạn chế tối đa việc tiếp xúc với da.

Ghi chú: Kích ứng nhẹ hệ hô hấp.

### 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá : Dữ liệu về ảnh hưởng xấu đến sinh thái chưa được xác định cụ thể cho sản phẩm này.  
Thông tin thể hiện được lấy từ việc nhận biết các thành phần của nó và mức độ tác hại lên môi trường sinh thái của các sản phẩm tương tự.  
Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

#### Độc môi trường

##### Sản phẩm:

Độc đối với cá (Độc cấp tính) : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng  
Không độc trên thực tế.  
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính) : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng  
Không độc trên thực tế.  
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính) : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng  
Không độc trên thực tế.  
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính) : Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

##### Thành phần:

**N-phenyl-1-naphtylamin :**

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính) : 1

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

đối với môi trường thủy sinh)

Nhân tố M (Nguy hại mãn) : 1

tính đối với môi trường thủy  
sinh)

**Axit (4-nonylphenoxy) acetic :**

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính) : 1

đối với môi trường thủy sinh)

### Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

#### Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Không dễ phân hủy sinh học., Các thành phần chính vốn có thể phân huỷ sinh học, nhưng một số thành phần vẫn có thể tồn dư trong môi trường., Tiêu chuẩn thô theo Tổ Chức Hàng Hải Quốc Tế (IMO)., Quỹ Bồi Thường Ô Nhiễm Dầu Quốc Tế (IOPC) định nghĩa: "Dầu thô là dầu gồm có các phần cất hydrocarbon, (a) ít nhất 50% chưng cất ở nhiệt độ 340°C (645°F) theo khối lượng và (b) ít nhất 95% chưng cất ở nhiệt độ 370°C (700°F) theo khối lượng khi được tiến hành kiểm tra theo Phương Pháp ASTM D-86/78 (Hội Kiểm Nghiệm Nguyên Vật Liệu Hoa Kỳ) hoặc các phiên bản sau đó vào thời điểm giao hàng."

### Khả năng tích lũy sinh học

#### Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Chứa các thành phần có khả năng tích lũy sinh hóa.

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: > 6Ghi chú: (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)

### Độ linh động trong đất

#### Sản phẩm:

Tính lưu động : Ghi chú: Dạng chất lỏng trong điều kiện môi trường thông thường., Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và nằm nguyên ở đó.  
Ghi chú: Nổi trên mặt nước.

### Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

#### Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Không có nguy cơ bào mòn tầng ôzôn, nguy cơ tạo ôzôn quang hóa hoặc nguy cơ làm ấm lên toàn cầu., Sản phẩm là một hỗn hợp gồm các thành phần không bay hơi, không được giải phóng ra không khí theo số lượng đáng kể trong điều kiện sử dụng bình thường.  
Hỗn hợp khó hòa tan., Gây bẩn vật lý cho sinh vật thủy sinh.  
Dầu khoáng không gây độc mãn tính cho các sinh vật thủy sinh ở nồng độ thấp hơn 1 mg/l.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

### 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

#### Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn

: Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.  
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng. Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.  
Khoảng 10% toàn bộ dầu sẽ mất đi do rò rỉ, vì vậy nên lau khô cho toàn bộ thiết bị để tránh rò rỉ dầu. Chất thải phát sinh khi bị đổ hóa chất hay làm vệ sinh thùng chứa nên được thải bỏ theo các quy định hiện hành, ưu tiên đối với nhà thu gom và nhà thầu. Việc lựa chọn phương tiện thu gom hay nhà thầu nên được xác định trước đó.  
  
MARPOL - Tham khảo Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa Ô nhiễm từ Tàu thuyền (MARPOL 73/78) cung cấp các khía cạnh kỹ thuật về kiểm soát ô nhiễm từ tàu thuyền.

Bao bì nhiễm độc

: Công tác loại bỏ phải phù hợp với các quy định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước. Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

Luật địa phương  
Ghi chú

: Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

### 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### ADR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

##### IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

##### IMDG-Code

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

#### Vận tải hàng hải với số lượng lớn theo các công cụ của IMO

Các quy tắc MARPOL, phụ lục 1 áp dụng cho việc vận chuyển hàng xá bằng đường biển.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

### Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú : Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phòng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

### 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

#### Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải:

Nghị định 42/2020/NĐ-CP: Nghị định quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa

Luật Hoá chất Việt Nam:

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 9, Điều 7 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ( "Thông tư 32").

111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

#### Các quy định quốc tế khác

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TSCA : Chưa được xác lập.

### 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

#### Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

|      |                                                                                                |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| H302 | Có hại nếu nuốt phải.                                                                          |
| H304 | Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.                                                            |
| H314 | Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.                                                          |
| H317 | Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.                                                              |
| H373 | Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu nuốt phải. |
| H400 | Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.                                                            |
| H410 | Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.                                      |

#### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Acute Tox. Độc cấp tính

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

|                 |                                                    |
|-----------------|----------------------------------------------------|
| Aquatic Acute   | Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh     |
| Aquatic Chronic | Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh     |
| Asp. Tox.       | Nguy hại hô hấp                                    |
| Skin Corr.      | Ăn mòn da                                          |
| Skin Sens.      | Nhạy cảm với da                                    |
| STOT RE         | Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại |

### Chữ viết tắt và từ viết tắt

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

### Thông tin khác

- Tư vấn về đào tạo : Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.
- Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng ( I ) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh ( sửa đổi ) so với phiên bản trước đây.
- Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Các dữ liệu trình bày là từ, nhưng không giới hạn, một hoặc nhiều nguồn thông tin (ví dụ như dữ liệu về độc chất từ Dịch Vụ Sức Khỏe Shell, dữ liệu của nhà cung cấp vật liệu, cơ sở dữ liệu CONCAWE, EU IUCLID, quy định EC 1272, v.v.).

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Shell Turbo Oil T 68

Phiên bản 2.3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 20.12.2023

Ngày in 21.12.2023

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI